TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2017.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đào và ông Phan Thành Tài.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công L, sinh năm: 1950.
- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1960.
Cùng trú tại: Tổ 1, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quang Nam.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam.
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
Đại diện có ông Phan Tấn S – Chức vụ: Giám đốc; Ông S ủy quyền cho ông Vương Thanh H – Chức vụ: Phòng giao dịch K – Agribank T, theo giấy ủy quyền số: 167/UQ-DS ngày 22/8/2017.
Ông L có mặt, bà Đ, ông H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công L trình bày:

Tôi và bà Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết. Sau khi cưới tôi và bà Đ sống hạnh phúc bên nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nhưng vì thương con nên tôi cố gắng chịu đựng nhau. Thời gian mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhều năm. Đến nay tôi

thấy tình cảm không còn yêu thương nhau nữa, tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi và bà Đ được ly hôn nhau.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Công D – Sinh năm: 1990;
2. Nguyễn Công K – Sinh năm: 1992;
3. Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1997;

Hiện tại các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam số tiền 25.000.000^{đ} tiền nợ gốc và tiền lãi 300.000^{đ}. Nay tôi đồng ý trả một phần hai số nợ gốc và lãi tính đến thời điểm trả nợ cho Ngân hàng và bà Đ trả một phần hai còn lại.

* Tại biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa vào ngày 03/8/2017 bà Huỳnh Thị Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân tôi và ông L tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng tôi sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, ông L không còn quan tâm đến vợ con từ năm 2012 đến nay. Nay ông L yêu cầu ly hôn tôi đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng tôi và ông L có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Công D – Sinh năm: 1990;
2. Nguyễn Công K – Sinh năm: 1992;
3. Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1997;

Hiện tại các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ Ngân hàng Nông nghiệp K số tiền 25.000.000^{đ} và tôi yêu cầu ông L phải cùng tôi trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; và triệu tập hợp lệ cho bà Huỳnh Thị Đ. Bà Đ có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Vương Thanh H trình bày: Ông yêu cầu tòa án buộc ông L và bà Đ tiếp tục trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 25.000.000^{đ} và lãi đến ngày 13/9/2017 là 300.000^{đ}.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố ông Nguyễn Công L và bà Huỳnh Thị Đ không phải là vợ chồng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, tài sản chung. Về nợ chung đề nghị buộc ông L và bà Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn bà Huỳnh Thị Đ cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy bị đơn bà Huỳnh Thị Đ và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy ông Nguyễn Công L và bà Huỳnh Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, có hôn nhân thực tế nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà Đ không được pháp luật công nhận nên Hội đồng xét xử tuyên không công nhận ông Nguyễn Công L và bà Huỳnh Thị Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Lộc bà Đ có 03 con chung tên là: Nguyễn Công D – Sinh năm: 1990; Nguyễn Công K - Sinh năm: 1992; Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1997; Hiện tại các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông L và bà Đ tự giải quyết không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông L và bà Đ xác định có nợ Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T số tiền 25.000.000^{đ} tiền nợ gốc và 300.000^{đ} lãi đến ngày 13/9/2017. Xét thấy hợp đồng vay vẫn còn trong hạn và trong quá trình trả nợ vay bà Đ không vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Nhưng nay ông L và bà Đ chấm dứt mỗi quan hệ về hôn nhân. Nên Hội đồng xét xử buộc ông Lộc và bà Điểm mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 12.500.000^{đ} nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ ông Nguyễn Công L phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lại thu số 0020247 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[7] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên không công nhận ông Nguyễn Công L và bà Huỳnh Thị Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con của ông L, bà Đ đã thành niên, không xem xét

3. Về tài sản chung: Ông L và bà Đ tự giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Tuyên buộc ông Nguyễn Công L và bà Huỳnh Thị Đ mỗi người phải trả cho Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện T số tiền 12.500.000^{đ} tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ ông Nguyễn Công phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lại thu số 0020247 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Đ, ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành